

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CHẾ TẠO VÀ CUNG ỨNG VẬT TƯ MINH ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CHẾ TẠO VÀ CUNG ỨNG VẬT TƯ MINH ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH ANH MANUFACTURING AND SUPPLYING MATERIALS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110169337

3. Ngày thành lập: 02/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5, Ngách 1, Ngõ 80, Đường Nam Hồng, Xã Nam Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983626963

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ: Hoạt động đấu giá)	4530
4.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ: Hoạt động đấu giá)	4543
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Loại trừ: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4669
11.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
12.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
13.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
14.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Loại trừ: - Sản xuất kim loại quý; - Không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2420

15.	Đúc sắt, thép	2431
16.	Đúc kim loại màu (Không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2432
17.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
18.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
19.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
21.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
22.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Loại trừ: - Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
23.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
24.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
25.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
26.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
27.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
28.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
29.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
30.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
31.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
32.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
33.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
34.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
35.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
36.	Sản xuất máy luyện kim	2823
37.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
38.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
39.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
40.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
41.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
42.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
43.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
44.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
45.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
46.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
47.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

48.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
49.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
50.	Xây dựng nhà để ở	4101
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ: Bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ VĂN TIỀN	Việt Nam	Thôn Nguyễn Xá, Xã Phương Tú, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.400.000.000	40,000	001094046952	
2	TRẦN HẢI NHƯ	Việt Nam	Thôn Phô Cóc, Xã Minh Quang, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	3.600.000.000	60,000	026093009234	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN HẢI NHƯ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/07/1993

Dân tộc: Sán Dìu

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026093009234

Ngày cấp: 11/07/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phô Cóc, Xã Minh Quang, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phô Cóc, Xã Minh Quang, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội